

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày 29-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Liên

Ông Võ Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng K (E); Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà VC, Lê TT, phường BN, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh Tuấn, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch C – Chi nhánh E Cần Thơ. Địa chỉ: phường LB, quận CR, thành phố Cần Thơ. Theo văn bản ủy quyền số 265/2018/EIBCT/UQ ngày 11/5/2018 (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Lê Minh D, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp PTH, xã ATH, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2014, bà Huỳnh Lê Minh D có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003-LAV-201402901 với Ngân hàng K (E) – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch C (E C), thỏa thuận vay số tiền 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*), thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày 27/12/2014 đến ngày 27/12/2019). E C đã giải ngân cho bà D theo khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1. Khế ước số 1003-LDS-201405241 ngày 27/12/2014

- Mục đích vay: Tiêu dùng
- Trả nợ gốc, nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 15.
- Lãi suất 8%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Hình thức đảm bảo: Tín chấp theo hợp đồng thu hộ số 32/2014/HDDV-TCCBCNV đã được ký kết giữa E C và Trường tiểu học AT 2C ngày 25/12/2014.

Do bà Huỳnh Lê Minh D không thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn theo cam kết tại hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 1003-LAV-201402901 ngày 27/12/2014, nên toàn bộ dư nợ của HĐTD số 1003-LAV-201402901 đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/01/2018.

Tính đến ngày 29/11/2018, bà D còn nợ Ngân hàng K số tiền bao gồm: Nợ gốc: 54.122.937 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.112.000 đồng và nợ lãi quá hạn: 5.056.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 69.290.937 đồng (sáu mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng). Căn cứ hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, hợp đồng thu hộ nêu trên, Ngân hàng K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CLD giải quyết buộc: Bà Huỳnh Lê Minh D thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/11/2018 là 69.290.937 đồng và lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi bà D thanh toán xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Lê Minh D, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo hai lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa thì bà D đều vắng mặt.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CLD phát biểu ý kiến tại phiên tòa:* Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định

của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Việc nguyên đơn Ngân hàng K yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Lê Minh D thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2018) với tổng số tiền là: 69.290.937 đồng (sáu mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc: 54.122.937 đồng, nợ lãi trong hạn: 10.112.000 đồng và nợ lãi quá hạn: 5.056.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi bà D thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp PTH, xã ATH, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đối với đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K theo thủ tục chung, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết để có ý kiến nhưng bị đơn không có ý kiến, Tòa án đã tiến hành thông báo cho bị đơn hai lần đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên việc hoà giải không tiến hành được. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Vào ngày 27/12/2014, bà Huỳnh Lê Minh D có ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1003-LAV-201402901 với Ngân hàng K (gọi tắt là Ngân hàng) để vay vốn với số tiền 130.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (kể từ ngày 27/12/2014 đến ngày 27/12/2019). Thời gian trả nợ gốc và lãi: Hàng tháng vào ngày 15, số tiền trả mỗi kỳ là 3.033.333 đồng. Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng với bà D đã ký kết là sự tự thỏa thuận giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, bà D đã nhận đủ số tiền vay

130.000.000 đồng sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, đến đợt thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 15/01/2018 (và các lần tiếp theo) bà D không thanh toán cho Ngân hàng nên bà D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số: 1003-LAV-201402901 ngày 27/12/2014 và vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy thời hạn thanh toán nợ vay cuối cùng của bà D đối với Ngân hàng là vào ngày 27/12/2019, nhưng đến đợt thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 15/01/2018 và các lần tiếp theo như đã nêu trên thì bà D không thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng số 1003-LAV-201402901 đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15/01/2018 và Ngân hàng khởi kiện buộc bà Huỳnh Lê Minh D phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những cơ sở phân tích nêu trên tại các mục số: [1], [2], [3] và [4], Hội đồng xét xử xét thấy: Cần buộc bà Huỳnh Lê Minh D phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc: 54.122.937 đồng, lãi trong hạn: 10.112.000 đồng và lãi quá hạn: 5.506.000 đồng. Tổng cộng: 69.290.937 đồng cho Ngân hàng K và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi bà D thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng K, về việc yêu cầu bà Huỳnh Lê Minh D thanh toán tổng số tiền gốc và lãi 69.290.937 đồng.

- Buộc bị đơn bà Huỳnh Lê Minh D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng K tổng số tiền là 69.290.937 đồng (*sáu mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc 54.122.937 đồng, lãi trong hạn: 10.112.000 đồng và lãi quá hạn: 5.056.000 đồng.

- Bà Huỳnh Lê Minh D phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ

ngày 30/11/2018 trở về sau theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1003-LAV-201402901 ngày 27/12/2014 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Huỳnh Lê Minh D phải chịu 3.464.546 đồng (*ba triệu, bốn trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn Ngân hàng K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 đồng (*một triệu, năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000534 ngày 06/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tòa tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Văn Đua